TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do- Hạnh phúc**
Số: **10**/2025/QĐST-DS	*Tp Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 7 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 15 tháng 7 năm 2025 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 260/2025/TLST-DS ngày 14 tháng 5 năm 2025 của Toà án nhân dân Khu vực 11 – Thành phố Hồ Chí Minh về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng".

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

+ Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP N

Trụ sở chính: Số A T, phường L, quận H, thành phố Hà Nội, nay là phường H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Thanh T – Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người được ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Đoàn Văn T1 – Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng TMCP N – Chi nhánh V;

Ông Đoàn Văn T1 ủy quyền lại cho: Ông Ngô Ngọc K - Phó Phòng Khách hàng bán lẻ - Ngân hàng TMCP N – Chi nhánh V;

Địa chỉ liên lạc: Số B T, phường A thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, nay là phường V, thành phố Hồ Chí Minh.

+ Bị đơn: Bà Lê Thị Thu T2, sinh năm 1986

Địa chỉ: Ấp B, xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai, nay là xã P, tỉnh Đồng Nai.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

+ Bà Lê Thị Thu T2 xác nhận còn nợ và có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng TMCP N (V1) số tiền tính đến hết ngày 13/07/2025 là: **2.328.816.849đ** (Bằng chữ: Hai tỷ, ba trăm hai mươi tám triệu, tám trăm mười sáu ngàn, tám trăm bốn mươi chín đồng), trong đó bao gồm: Nợ gốc 2.155.000.000đ (Bằng chữ: Hai tỷ, một trăm năm mươi lăm triệu đồng), nợ lãi trong hạn 171.801.860đ (Bằng chữ: Một trăm bảy mươi mốt triệu, tám trăm lẻ một ngàn, tám trăm sáu mươi đồng) và nợ lãi quá hạn 2.014.989đ (Bằng chữ: Hai triệu, không trăm mười bốn ngàn, chín trăm tám mươi chín đồng). Thời hạn thanh toán toàn bộ khoản nợ vào ngày 30/9/2025.

Bà Lê Thị Thu T2 có nghĩa vụ thanh toán số nợ lãi tiếp tục phát sinh được quy định tại Hợp đồng cho vay số: Hợp đồng cho vay số ND/22-388 ngày 06/9/2022 kể từ ngày 14/7/2025 cho đến khi bà Lê Thị Thu T2 trả hết nợ cho Ngân hàng TMCP N.

Trường hợp sau khi Bản án/Quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật mà bà Lê Thị Thu T2 không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng TMCP N toàn bộ số tiền nợ nêu trên và lãi phát sinh thì Ngân hàng TMCP N có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự tiến hành kê biên, phát mại tài sản bảo đảm của khoản vay nói trên để thu hồi toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng TMCP N, tài sản bảo đảm theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 22-388/VCB.VT ngày 06/09/2022 giữa Ngân hàng TMCP N với bà Lê Thị Thu T2, số công chứng 7304, quyển số 07/2022 TP/CC – SCC/HĐGD tại Văn phòng C, địa chỉ: Số H đường T, khu phố T, thị trấn P, huyện X, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, đăng ký giao dịch bảo đảm tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện X, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu ngày 07/9/2022, gồm có:

Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại xã H, huyện X, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu (nay là xã H, thành phố Hồ Chí Minh), thửa đất số 142, tờ bản đồ số 14, diện tích 802,2m^2, mục đích sử dụng đất: 300m^2 đất ở tại nông thôn và 502,2m^2 đất trồng cây công nghiệp lâu năm theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BĐ 710152 do UBND huyện X cấp ngày 12/07/2011, số vào sổ cấp GCN: CH 01204-1994/QĐ-UBND.

Toàn bộ số tiền thu được từ việc bán/xử lý tài sản bảo đảm được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả nợ của bà Lê Thị Thu T2 đối với Ngân hàng TMCP N. Nếu số tiền thu được từ bán/xử lý tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết khoản nợ thì bà Lê Thị Thu T2 vẫn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ cho Ngân hàng TMCP N.

+ Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ xác minh, thu thập chứng cứ tại huyện X và tại tỉnh Đồng Nai: Là 20.000.000đ (Bằng chữ: Hai mươi triệu đồng) bà Lê Thị Thu T3 nộp. Do Ngân hàng TMCP N đã nộp nên bà Lê Thị Thu T2 có nghĩa vụ hoàn trả cho Ngân hàng TMCP N số tiền 20.000.000đ (Bằng chữ: Hai mươi triệu đồng).

+ Về án phí: Bà Lê Thị Thu T2 nộp 39.288.168đ (Bằng chữ: Ba mươi chín triệu, hai trăm tám mươi tám ngàn, một trăm sáu mươi tám đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP N số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 38.600.000đ (Bằng chữ: Ba mươi tám triệu sáu trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0003061 ngày 12 tháng 5 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 11 – thành phố Hồ Chí Minh).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND TP Hồ Chí Minh;
- VKSND TP Hồ Chí Minh;
- VKSND Khu vực 11-TP HCM
- Chi cục THADS Khu vực 11-TPHCM;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Phan Thị Yến Oanh